

Số: /TB-TCĐLTTP

Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc miễn, giảm học phí cho HSSV trong học kỳ I, năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-TCĐLTTP ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm về việc ban hành Quy định về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên. Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thực hiện chế độ chính sách cho HSSV họp ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc họp xét miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2025-2026, nay nhà trường thông báo đến GVCN và HSSV các lớp nội dung như sau:

I. Danh sách HSSV được hưởng chế độ miễn, giảm học phí

1. Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí trong học kỳ I, năm học 2024-2025 cho 36 HSSV (có danh sách kèm theo).

2. Những HSSV có tên trên không được miễn giảm học phí những học phần theo Điều 8 của Quy định về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên ban hành theo Quyết định số 814/QĐ-TCĐLTTP ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm.

II. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Công tác HSSV

- Căn cứ và Danh sách HSSV được miễn, giảm học phí, cập nhật vào phần mềm Edusoft để thực hiện công tác quản lý học phí của HSSV theo quy định.

- Sau khi có nguồn kinh phí của cơ quan quản lý cấp trên, thực hiện lập các Quyết định theo quy định.

2. Phòng Tài chính – Kế toán: Căn cứ thông báo và dữ liệu phần mềm Edusoft để quản lý học phí theo quy định.

3. Các Khoa, GVCN: Thông báo đến HSSV thuộc chế độ miễn, giảm học phí có tên theo thông báo.

Đề nghị Phòng, Khoa, Trung tâm; GVCN và HSSV có tên trên căn cứ thông báo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (để b/c);
- Phòng, Khoa, Trung tâm;
- HSSV (GVCN tr/khai);
- Lưu: VT, CTHSSV (Quỳnh).

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Chí Thịnh

**DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Thông báo số /TB-TCĐLTTP ngày tháng 11 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức giảm, miễn	Số tiền giảm, miễn (đồng)
1	23CC020011	Phan Thị Yên	23A	Khuyết tật, Gia đình khó khăn	100%	3.160.000
2	23CC160024	Nguyễn Thị Thảo	23CM1	Dân tộc Kor, Xã ĐBKK	70%	2.604.000
3	23CC160031	Trịnh Quang Văn	23CM1	Dân tộc Kor, Xã ĐBKK	70%	2.604.000
4	23CC050001	Alăng Chon	23I	Dân tộc Cơ Tu, Hộ cận nghèo, xã ĐBKK	100%	5.620.000
5	23CC050003	Zơ Râm Hóa	23I	Dân tộc Cơ Tu, Hộ nghèo, xã ĐBKK	100%	5.620.000
6	24CC010032	HiAO H' Thảo	24C	Dân tộc Jrai, Xã ĐBKK	70%	5.978.000
7	24CC010035	Lê Thị Thu Trang	24C	Dân tộc Cadong, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	8.540.000
8	24CC160025	Nguyễn Thị Ngoan	24CM1	Dân tộc Kor, Xã ĐBKK	70%	7.518.000
9	24CC160058	Trần Nguyễn Thanh Tâm	24CM2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100%	10.740.000
10	24LC050001	Vũ Hải An	24I	Khuyết tật, Gia đình khó khăn	100%	2.810.000
11	24CC130030	Lê Võ Hồng Đăng	24KS	Khuyết tật	100%	9.220.000
12	24CC130009	Hồ Thị Huyền	24KS	Dân tộc Cadong, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	9.220.000
13	24CC130010	Nguyễn Thị Làng	24KS	Dân tộc Cadong, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	9.220.000

TT	Mã HSSV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức giảm, miễn	Số tiền giảm, miễn (đồng)
14	24CC130016	Nguyễn Thị Kim Thái	Uyên	24KS	Dân tộc Kor, Hộ nghèo, Xã ĐBKk	100%	9.220.000
15	24CT020014	Phan Thị	Ý	24T-A1	Con bệnh binh	100%	6.710.000
16	25CC010003	Nguyễn Gia	Bảo	25C	Con bệnh binh	100%	6.730.000
17	25CC010011	Zơ Râm	Hồ	25C	Dân tộc Cơ Tu, Hộ nghèo, xã ĐBKk	100%	6.730.000
18	25CC160001	Lê Hoàng Thiên	Ân	25CM1	Khuyết tật	100%	6.820.000
19	25CC160003	Đình Quốc	Bảo	25CM1	Dân tộc Hrê, Xã ĐBKk	70%	4.774.000
20	25CC160010	Hồ Thị Thúy	Dự	25CM1	Dân tộc Vân Kiều, Hộ cận nghèo, Xã ĐBKk	100%	6.820.000
21	25CC160013	Hồ Thị	Giang	25CM1	Dân tộc Bru Vân Kiều, Xã ĐBKk, Tốt nghiệp PTĐTNT	70%	4.774.000
22	25CC160017	Đình Thị	Kha	25CM1	Dân tộc Hrê, Xã ĐBKk	70%	4.774.000
23	25CC160026	Hầu Thị	Miên	25CM1	Dân tộc Sán Chỉ, Xã ĐBKk	70%	4.774.000
24	25CC160036	Hồ Thị Tiếng	Quỳnh	25CM1	Dân tộc Cadong, Xã ĐBKk	70%	4.774.000
25	25CC160038	Nguyễn Thị Nhật	Thái	25CM1	Con thương binh	100%	6.820.000
26	25CC160043	Nguyễn Thị Lệ	Trang	25CM1	Dân tộc Kor, Xã ĐBKk, Tốt nghiệp PTĐTNT	70%	4.774.000
27	25CC160054	Hồ Thị Kim	Dâng	25CM2	Dân tộc Ca Dong, Xã ĐBKk	70%	4.774.000
28	25CC160056	Hồ Thị Hoàng	Diệu	25CM2	Dân tộc Cadong, Xã ĐBKk	70%	4.774.000

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức giảm, miễn	Số tiền giảm, miễn (đồng)
29	25CC160060	Đinh Văn Hảy	25CM2	Dân tộc Hrê, Xã ĐBKK	70%	4.977.000
30	25CC160063	Hồ Thị Bích Hưng	25CM2	Dân tộc Kor, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	6.820.000
31	25CC160068	AViệt Thiếu Long	25CM2	Dân tộc Cơ Tu, Xã ĐBKK	70%	4.774.000
32	25CC160070	BHnướcch Luợm	25CM2	Dân tộc Cơ Tu, Xã ĐBKK	70%	4.774.000
33	25CC160089	Đinh Văn Thơm	25CM2	Dân tộc Hrê, Xã ĐBKK	70%	4.774.000
34	25CC160094	Võ Thị Tĩnh	25CM2	Dân tộc Cadong, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	6.820.000
35	25CC160101	Hồ Thị Xa	25CM2	Dân tộc Xơ Đăng, Hộ nghèo, Xã ĐBKK	100%	6.820.000
36	25CC130008	Alăng Thị Quỳnh	25KS	Dân tộc Cơ Tu, Xã ĐBKK	70%	4.494.000
Tổng cộng:						215.149.000